

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 4 – 2023

V/v trAh chấp ly hôn.

**NHÂN DAH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VINH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về việc “*Ly hôn, trAh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Mỹ L, sinh năm 1993 (Có mặt)

\* Bị đơn: Ah Lê Văn A, sinh năm 1990 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp 5, xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2023 nguyên đơn chị Trịnh Thị Mỹ L trình bày:*

Năm 2013, chị L và anh A kết hôn trên cơ sở mai mối, được sự đồng ý của gia đình chị L và anh A có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 30/9/2013 tại Ủy bA nhân dân xã Phú Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Thời giA vợ chồng hạnh phúc được khoảng 09 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi. Năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2022, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh A. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 31/7/2014, đang sống chung với anh A và Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2016, hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu nuôi con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2016, không yêu cầu anh A

cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Gia B, sinh ngày 31/7/2014, chị L đồng ý giao cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Trịnh Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Văn A trình bày: anh A thống nhất theo lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh A không đồng ý ly hôn với chị Trịnh Thị Mỹ L. Trong trường hợp ly hôn thì về con chung: Anh A yêu cầu nuôi con chung tên Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2016 và Lê Gia B, sinh ngày 31/7/2014, anh A không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quA hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Trịnh Thị Mỹ L quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự, thủ tục và thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy có các tài liệu, chứng cứ do Toà án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên toà sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị L và anh A cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục chung sống với anh A. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị L và anh A không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị L và Ah A.

[4]. Về con chung: Chị L và anh A thống nhất trình bày có 02 con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2016 và Lê Gia B, sinh ngày 31/7/2014.

Chị L yêu cầu nuôi con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2016, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Gia B, sinh ngày 31/7/2014, chị L đồng ý giao cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ: Từ lúc ly thân cho đến nay, cháu Yến N sống chung với chị L và cháu Gia B có bản tự khai có nguyện vọng sống chung với anh A sau khi cha mẹ ly hôn, nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của cháu Yến N và cháu

Gia B nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Yến N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con và tiếp tục cháu Gia B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị L, anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trịnh Thị Mỹ L. Cho chị Trịnh Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Văn A.

2. Về con chung:

+ Tiếp tục giao con chung Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

+ Tiếp tục giao con chung Lê Gia B, sinh ngày 31/7/2014 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Chị L, anh A không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị L nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0011224 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**6.** Vụ án được xét xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAD tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Trần Thị Hồng Chi**